

5+ mẫu viết bài văn phân tích bài thơ Qua Đèo Ngang của bà Huyện Thanh Quan xuất sắc nhất?

Mẫu 1

Bà Huyện Thanh Quan một trong những nữ văn sĩ nổi tiếng của văn học trung đại Việt Nam. Thơ văn bà để lại cho hậu thế không còn nhiều, trong đó nổi tiếng nhất là phải kể đến bài Qua đèo Ngang. Đây là bài thơ tả cảnh ngụ tình, bộc lộ nỗi niềm, tâm trạng của bà khi trên đường vào kinh đô Huế nhận chức. Hình ảnh đèo Ngang đã được đưa vào bài thơ “Qua Đèo Ngang”, nhằm gửi gắm nhiều ý nghĩa sâu sắc.

Đằng sau bức tranh phong cảnh thiên nhiên là tâm trạng của nữ sĩ: cô đơn, nhớ nhà và hoài niệm về một thời đại huy hoàng đã qua. Có thể coi đây là bài thơ hay nhất trong những bài thơ sáng tác về thắng cảnh này. Câu phá đề đơn giản chỉ là lời giới thiệu về thời điểm tác giả đặt chân đến đèo Ngang:

Bước tới đèo Ngang bóng xế tà. Đó là lúc mặt trời đang lặn, phía tây chỉ còn chút nắng hắt những tia sáng yếu ớt lên nền trời đang sẫm dần. Thời điểm này rất dễ gợi buồn trong lòng người, nhất là đối với kẻ lữ thứ tha hương. Tuy vậy, trời vẫn còn đủ sáng để nhà thơ nhận ra thiên nhiên nơi đây đẹp như một bức tranh thủy mặc: “Cỏ cây chen đá, lá chen hoa”.

Có cái gì đó như linh hồn của tạo vật thấp thoáng sau từng chữ. Điệp từ chen, các vẻ đối: cây chen đá, lá chen hoa miêu tả sức sống mãnh liệt của một vùng rừng núi hoang vu. Cảnh đẹp thì có đẹp nhưng nhuộm màu buồn bã, quạnh hiu, thiếu hơi ấm con người. Những bông hoa rừng đây đó không đủ làm sáng, làm vui bức tranh núi non lúc ngày tàn, đêm xuống.

Trên bối cảnh thiên nhiên bao la ấy thấp thoáng bóng dáng con người và hơi hướng cuộc sống nhưng cũng chỉ ít ỏi, mờ nhạt, xa vời:

Lom khom dưới núi tiêu vài chú,

Lác đác bên sông chợ mấy nhà.

Con mắt tinh tế của nhà thơ phát hiện ra nét đặc trưng của người và cảnh trước tiên nên bà đã dùng nghệ thuật đảo ngữ để nhấn mạnh đặc trưng ấy. Dáng vẻ lom khom của mấy chú tiêu hái củi sườn non làm cho con người vốn đã nhỏ bé lại càng thêm nhỏ bé trước thiên nhiên cao rộng.

Cái chợ là nơi biểu hiện sức sống của một cộng đồng làng xã, lẽ ra tấp nập đông vui, nhưng ở đây nó chỉ là mấy túp lều xơ xác bên sông... Bao trùm lên cảnh vật là một nỗi buồn tê tái và nỗi buồn ấy thấm sâu vào lòng người:

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.

Giữa không gian tĩnh lặng gần như tuyệt đối ấy bỗng vẳng lên tiếng chim quốc khắc khoải, tiếng chim đa đa não nuột. Đó là những âm thanh có thật mà cũng có thể là tiếng vọng từ tâm trạng chất chứa nỗi buồn thời cuộc của nhà thơ. Mượn bút pháp ước lệ và nghệ thuật chơi chữ (từ đồng âm khác nghĩa) để nói lên lòng mình trước cảnh, đó là tài hoa của nữ sĩ.

Tiếng chim kêu không làm cho cảnh vui lên thêm chút nào mà lại làm tăng phần quạnh quẽ, cô liêu. Phải chăng tiếng chim chính là tiếng lòng của kẻ đang mang nặng tâm trạng u buồn, hoài vọng, nhớ nước thương nhà?!

Hồn cảnh, hồn người như có nét tương đồng, cho dù về hình thức hoàn toàn tương phản. Cái bao la, vô tận của non nước tô đậm cái cô đơn, chơ vơ của con người và ngược lại. Vì vậy nên nỗi buồn càng lắng đọng:

Dừng chân đứng lại trời, non, nước,

Một mảnh tình riêng, ta với ta.

Quả là một nỗi buồn lớn lao, thâm thía, khó san sẻ, giải bày. Nó như kết thành hình, thành khối, thành mảnh tình riêng khiến nhà thơ phải thốt lên chua xót: ta với ta. Chỉ có ta hiểu lòng ta mà thôi! Vì thế nên sự cô đơn càng tăng lên gấp bội.

Bài thơ “Qua Đèo Ngang” tuy ra đời cách đây đã hơn một thế kỉ nhưng giá trị của nó vẫn nguyên vẹn trước thử thách của thời gian. Bao người yêu thơ thuộc lòng bài thơ này và ca ngợi tài năng của tác giả. Thể thơ Đường luật kiểu cách, sang trọng vào tay nữ sĩ đã trở thành gần gũi, dễ hiểu với người đọc bởi ngôn ngữ giản dị, trong sáng và những hình ảnh dân dã quen thuộc.

Mẫu 2

Bà Huyện Thanh Quan là một nữ sĩ nổi tiếng của văn học Việt Nam đầu thế kỉ XIX. Bà được biết đến với phong cách thơ trang nhã, trang trọng mà sâu lắng, thường thể hiện tâm trạng hoài cổ, nỗi buồn man mác trước thời cuộc và cuộc đời. Trong số các tác phẩm của bà, bài thơ “Qua Đèo Ngang” được xem là tiêu biểu nhất, thể hiện tâm trạng cô đơn, nỗi nhớ nhà, nỗi buồn thấm đẫm của người thi sĩ trên hành trình đi qua đèo Ngang – một địa danh nổi tiếng ở miền Trung.

Ngay từ hai câu thơ đầu, người đọc đã cảm nhận được không gian bao la, rộng lớn và thời điểm đặc biệt khi nhà thơ đặt chân đến đèo Ngang:

Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà,

Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.

Không gian nơi đèo Ngang hiện lên hoang sơ, hùng vĩ mà cũng rất thơ mộng. Thời điểm “bóng xế tà” – buổi chiều tà, là lúc con người thường dễ cảm thấy cô đơn, nhớ nhà, nhớ quê hương. Trong thời điểm ấy, bà Huyện Thanh Quan đứng giữa thiên nhiên, cảm nhận từng nhịp bước, từng hơi

thở của núi rừng. Câu thơ thứ hai dùng các từ “chen”, “lá chen hoa” thể hiện sự sống đang âm thầm diễn ra nơi núi rừng heo hút, như an ủi phần nào nỗi lòng lữ khách.

Đến hai câu tiếp theo:

Lom khom dưới núi tiều vài chú,

Lác đác bên sông chợ mấy nhà.

Cảnh vật hiện lên có sự sống nhưng rất thưa thớt, hiu quạnh. “Tiều vài chú”, “chợ mấy nhà” – những hình ảnh đơn sơ, giản dị nhưng gợi nên cảm giác vắng vẻ, buồn bã. Tác giả không chỉ tả cảnh mà còn gửi gắm tâm trạng của mình qua từng hình ảnh. Thiên nhiên và con người đều nhỏ bé, lặng lẽ giữa không gian rộng lớn, gợi nỗi cô đơn, lạc lõng của chính người lữ khách – nhà thơ.

Đỉnh cao của tâm trạng được bộc lộ rõ nét qua hai câu luận:

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.

Hai câu thơ này sử dụng nghệ thuật điệp cú điển tích với hình ảnh con “quốc quốc”, “gia gia” – loài chim kêu trong đêm gợi nỗi nhớ nước, thương nhà da diết. Đây không đơn thuần là âm thanh thiên nhiên, mà là tiếng lòng của tác giả. “Con quốc quốc” được hiểu là biểu tượng cho nỗi nhớ quê hương, nhớ đất nước. “Cái gia gia” gợi lên hình ảnh gia đình, mái nhà thân thương. Bà Huyện Thanh Quan đã khéo léo mượn âm thanh của loài chim để giải bày tâm trạng. “Đau lòng”, “mỏi miệng” – những biểu cảm trực tiếp làm bật lên nỗi buồn sâu kín, dồn nén trong lòng người.

Hai câu kết tiếp tục đẩy nỗi buồn lên cao:

Dừng chân đứng lại trời non nước,

Một mảnh tình riêng ta với ta.

Hình ảnh “dừng chân đứng lại” thể hiện một khoảnh khắc lặng người, thi nhân như lặng lẽ ngẩn nhìn khung cảnh thiên nhiên rộng lớn để rồi đối diện với chính mình. “Trời non nước” bao la khiến con người càng trở nên nhỏ bé, cô đơn hơn. Đặc biệt, câu thơ cuối “Một mảnh tình riêng ta với ta” đã khắc sâu nỗi cô đơn đến tận cùng. “Ta với ta” – không còn ai bên cạnh, chỉ còn chính mình với nỗi niềm riêng tư, không thể giải bày cùng ai.

Bài thơ “Qua Đèo Ngang” là một bức tranh phong cảnh tuyệt đẹp nhưng cũng là bức chân dung tâm trạng sâu sắc. Qua từng câu thơ, Bà Huyện Thanh Quan đã thể hiện tài năng miêu tả cảnh và tả tình tài hoa. Với ngôn ngữ trang nhã, thể thơ Đường luật chặt chẽ, bài thơ không chỉ phản ánh nỗi buồn riêng của nhà thơ mà còn là tiếng lòng chung của những con người sống trong thời buổi loạn lạc, nhiều biến động.

Tóm lại, “Qua Đèo Ngang” là một bài thơ xuất sắc, kết hợp hài hòa giữa cảnh và tình. Qua đó, ta cảm nhận được nỗi buồn, nỗi nhớ nhà, nỗi cô đơn sâu thẳm của người phụ nữ tài hoa, và đồng thời cũng cảm nhận được vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ cổ điển Việt Nam.

Mẫu 3

“Qua Đèo Ngang” là một trong những bài thơ nổi tiếng của Bà Huyện Thanh Quan – một nhà thơ nữ tiêu biểu trong văn học trung đại Việt Nam. Bài thơ không chỉ vẽ nên bức tranh thiên nhiên hoang sơ, hùng vĩ mà còn thể hiện sâu sắc nỗi cô đơn, nỗi buồn man mác của một người phụ nữ xa quê, sống trong thời đại đầy biến động. Bằng ngôn ngữ tinh tế và hình ảnh giàu sức gợi, bài thơ đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc.

Mở đầu bài thơ, tác giả miêu tả khung cảnh thiên nhiên nơi đèo Ngang vào buổi chiều tà:

Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà,

Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.

Ngay từ câu đầu tiên, hình ảnh “bóng xế tà” gợi nên không khí buồn bã, vắng lặng. Buổi chiều là thời điểm dễ khiến con người cảm thấy nhớ nhung, trống vắng nhất. Hành trình qua đèo lại diễn ra vào lúc ngày sắp tàn, càng làm nổi bật tâm trạng cô đơn của tác giả. Câu thơ tiếp theo là một bức tranh thiên nhiên sống động. Cỏ cây, hoa lá, đá núi như đang “chen” nhau để tồn tại – một cách nhân hoá thiên nhiên rất sinh động, gợi lên sự sống mạnh mẽ nhưng cũng đầy chật chội, hoang dại của núi rừng.

Đến hai câu thực:

Lom khom dưới núi tiều vài chú,

Lác đác bên sông chợ mấy nhà.

Bức tranh thiên nhiên tiếp tục được mở rộng với hình ảnh con người. Tuy nhiên, con người nơi đây xuất hiện rất thưa thớt: “tiều vài chú”, “chợ mấy nhà” – tất cả đều nhỏ bé, lẻ loi. Những từ láy “lom khom”, “lác đác” gợi cảm giác buồn, đơn độc. Thiên nhiên hùng vĩ đối lập với sự hiện diện mong manh của con người, khiến cho nhân vật trữ tình càng thêm lạc lõng.

Hai câu luận tiếp theo thể hiện tâm trạng rõ rệt nhất:

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.

Tiếng chim “quốc quốc”, “gia gia” vang vọng trong không gian vắng lặng không còn đơn thuần là âm thanh thiên nhiên, mà trở thành tiếng lòng da diết. Bà Huyện Thanh Quan đã mượn tiếng chim để giải bày nỗi nhớ nước, thương nhà – hai nỗi niềm lớn lao trong tâm hồn một người trí thức yêu

nước. Cách chơi chữ đồng âm (“quốc quốc” – nước, “gia gia” – nhà) vừa tạo nên âm vang da diết, vừa hàm chứa tầng nghĩa sâu sắc.

Hai câu kết là lời độc thoại nội tâm đầy ám ảnh:

Dừng chân đứng lại trời non nước,

Một mảnh tình riêng ta với ta.

Trước khung cảnh “trời non nước” bao la, con người bỗng trở nên nhỏ bé. Nhân vật trữ tình đứng lại, không chỉ để ngắm cảnh mà còn để lắng nghe tiếng lòng. Câu thơ “Một mảnh tình riêng ta với ta” thể hiện nỗi cô đơn tột độ. Không có ai để sẻ chia, người lữ khách chỉ còn lại chính mình với những tâm sự không thể nói thành lời. Đây là điểm nhấn tâm lý sâu sắc, đầy tính triết lý nhân sinh trong thơ ca trung đại.

Tóm lại, “Qua Đèo Ngang” là một bài thơ ngắn gọn nhưng hàm chứa nhiều tầng ý nghĩa. Qua đó, ta không chỉ thấy được tài năng nghệ thuật của Bà Huyện Thanh Quan trong việc sử dụng từ ngữ, hình ảnh và nhạc điệu mà còn cảm nhận được nỗi buồn sâu sắc của một người phụ nữ trí thức sống trong thời kỳ lịch sử đầy biến động. Dù đã trải qua bao năm tháng, bài thơ vẫn sống mãi trong lòng người đọc bởi sự chân thành và vẻ đẹp cổ điển của nó.

Mẫu 4

Trong nền thơ ca trung đại Việt Nam, Bà Huyện Thanh Quan là một trong những nhà thơ nữ tiêu biểu, để lại nhiều tác phẩm đặc sắc với phong cách cổ kính, trang nhã. Bài thơ “Qua Đèo Ngang” là một trong những sáng tác tiêu biểu nhất của bà, không chỉ khắc họa bức tranh thiên nhiên sinh động mà còn thể hiện tài năng nghệ thuật miêu tả cảnh và biểu cảm của tác giả.

Ngay từ hai câu đầu, người đọc đã bị cuốn hút vào bức tranh thiên nhiên ở nơi đèo Ngang:

Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà,

Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.

Thời điểm “bóng xế tà” – buổi chiều muộn – là lúc ánh sáng nhạt dần, không gian nhuốm màu buồn bã. Cảnh vật hiện lên qua đôi mắt của một người lữ khách đang đi qua đèo. Dòng thơ thứ hai sử dụng điệp từ “chen” rất tài tình, vừa gợi ra cảnh vật tươi tốt, tràn đầy sức sống, vừa thể hiện sự chật hẹp, rậm rạp của thiên nhiên núi rừng. Qua cách miêu tả ấy, người đọc cảm nhận được một thiên nhiên vừa hoang sơ vừa sống động, gợi nên nỗi niềm mê mẩn trong lòng người.

Hai câu tiếp theo miêu tả sự sống con người nơi đây:

Lom khom dưới núi tiêu vài chú,

Lác đác bên sông chợ mấy nhà.

Nếu cảnh vật ở hai câu đầu là thiên nhiên, thì ở đây là hình ảnh của con người – nhưng thật nhỏ bé và thưa thớt. “Tiều vài chú”, “chợ mấy nhà” cho thấy cuộc sống nơi đèo Ngang còn nghèo nàn, hiu quạnh. Các từ láy “lom khom”, “lác đác” gợi hình ảnh mờ nhạt, không rõ ràng, giống như cái nhìn mông lung, lặng lẽ của người khách lạ nơi đất khách quê người. Cảnh vật ấy không đơn thuần để tả cảnh mà ẩn chứa tâm trạng cô đơn, buồn bã của nhà thơ.

Hai câu luận là điểm nhấn biểu cảm đặc sắc:

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.

Hai tiếng kêu của loài chim – quốc quốc và gia gia – không còn là âm thanh thiên nhiên vô nghĩa, mà trở thành biểu tượng của nỗi nhớ. Nhà thơ đã khéo léo dùng cách chơi chữ “quốc” và “gia” để diễn tả nỗi lòng: nhớ nước, thương nhà. Từ “đau lòng”, “mỏi miệng” thể hiện cảm xúc trực tiếp, rất chân thật và tha thiết. Dưới lớp vỏ ngôn từ, ta thấy một tâm hồn yêu quê hương, một nỗi lòng trĩu nặng của người trí thức trước cảnh đất nước đổi thay, gia đình xa cách.

Hai câu kết là lời tự sự đầy chất triết lý:

Dừng chân đứng lại trời non nước,

Một mảnh tình riêng ta với ta.

Câu thơ gợi ra một khoảnh khắc lặng lẽ, người lữ khách đứng giữa không gian bao la “trời non nước”. Thiên nhiên rộng lớn, con người nhỏ bé, cô đơn. Câu thơ cuối “ta với ta” là một cách nói đặc biệt. Không phải là “ta với người”, mà là “ta” với chính “ta” – biểu hiện nỗi cô đơn đến tột cùng. Người thơ đối diện với chính mình, với nỗi niềm không thể chia sẻ cùng ai. Đây chính là nét đặc sắc trong nghệ thuật biểu cảm của bài thơ.

Bài thơ “Qua Đèo Ngang” không chỉ là một bức tranh thiên nhiên đẹp mà còn là biểu hiện tâm hồn sâu sắc của một con người cô đơn, mang trong mình nỗi nhớ quê hương và khát vọng về sự yên bình. Với những hình ảnh cô đọng, ngôn ngữ tinh tế và nghệ thuật biểu cảm đặc sắc, bài thơ xứng đáng là một kiệt tác của thơ ca trung đại Việt Nam.

Mẫu 5

Trong kho tàng văn học Việt Nam, thơ đường luật là thể loại đặc sắc, mang tính quy phạm cao, đòi hỏi sự tinh tế trong từng chữ, từng vần. Trong số những tác phẩm nổi bật viết theo thể thơ này, “Qua Đèo Ngang” của Bà Huyện Thanh Quan là bài thơ đặc biệt – một áng thơ trữ tình vừa mang vẻ đẹp cổ điển vừa thể hiện rõ nỗi niềm riêng tư của tác giả. Bài thơ là sự kết hợp hài hòa giữa bức tranh thiên nhiên và bức tranh tâm trạng.

Ngay từ câu mở đầu, người đọc đã cảm nhận được một không gian mở rộng với thời gian đặc biệt:

Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà.

Thời điểm “bóng xế tà” tạo ra cảm giác chiều muộn, ánh nắng tàn, tạo nên khung cảnh buồn bã, trầm lắng. Hình ảnh người lữ khách “bước tới” gợi một hành trình, một chuyến đi đơn độc, mang theo nhiều tâm sự.

Câu tiếp theo:

Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.

Cảnh vật hiện lên như một bức tranh phong cảnh tuyệt đẹp: cỏ cây, hoa lá, đá núi... tất cả cùng hòa quyện vào nhau, thể hiện sự sinh động của thiên nhiên. Tuy nhiên, sự “chen chúc” giữa các yếu tố lại gợi lên sự hoang dã, rậm rạp – làm tăng thêm sự cô đơn của con người lạc giữa thiên nhiên hùng vĩ.

Đến hai câu thực:

Lom khom dưới núi tiều vài chú,

Lác đác bên sông chợ mấy nhà.

Không gian sống hiện lên nhưng vô cùng thưa thớt, lạnh lẽ. Những người tiều phu, những mái chợ ít ỏi cho thấy cuộc sống nơi đây hoang vu, vắng vẻ. Các từ láy “lom khom”, “lác đác” thể hiện rõ sự đơn điệu, thưa thớt của sinh hoạt nơi đèo Ngang, góp phần tăng thêm sự cô đơn trong lòng người khách bộ hành.

Hai câu luận chính là tâm trạng sâu lắng của nhà thơ:

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.

Dường như tiếng chim vọng núi không phải là tiếng của thiên nhiên mà là tiếng lòng của thi nhân. Nhớ nước, thương nhà – hai nỗi đau lớn của con người xa quê, trong thời đại biến động. Đây cũng là nỗi niềm chung của tầng lớp trí thức Nho học khi đất nước suy vi, xã hội đổi thay.

Hai câu kết:

Dừng chân đứng lại trời non nước,

Một mảnh tình riêng ta với ta.

Đứng giữa thiên nhiên mênh mông, người lữ khách bỗng thấy mình quá nhỏ bé. Nỗi cô đơn như ngưng đọng lại thành “một mảnh tình riêng”. Câu thơ “ta với ta” rất đặc biệt, thể hiện sự cô độc tuyệt đối. Người lữ khách không có ai để chia sẻ, chỉ biết đối diện với chính mình trong nỗi buồn man mác.

Tóm lại, bài thơ “Qua Đèo Ngang” là một tác phẩm nghệ thuật giàu chất cổ điển, vừa có vẻ đẹp của thiên nhiên, vừa mang chiều sâu tâm trạng. Qua tám câu thơ Đường luật, Bà Huyện Thanh

Quan đã thể hiện một cách sâu sắc sự cô đơn của một người phụ nữ trí thức trong xã hội xưa, đồng thời để lại một dấu ấn nghệ thuật khó phai trong lòng người đọc.

Mẫu 6

“Qua Đèo Ngang” là một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của Bà Huyện Thanh Quan – một nữ sĩ tài hoa sống vào cuối thời Lê đầu thời Nguyễn. Bài thơ không chỉ làm say đắm người đọc bởi ngôn ngữ trang nhã, hình ảnh cổ kính mà còn bởi tâm trạng cô đơn, nỗi buồn sâu lắng mà bà gửi gắm qua từng câu chữ.

Mở đầu bài thơ là một khung cảnh đặc biệt:

Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà,

Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.

Thời điểm “bóng xế tà” là lúc ánh chiều rơi xuống, tạo nên một không gian trầm buồn, gợi cảm giác cô quạnh. Cảnh vật được miêu tả sinh động: “cỏ cây chen đá”, “lá chen hoa” – thiên nhiên tuy hoang sơ nhưng không hề tĩnh lặng. Nó vẫn mang trong mình sức sống, nhưng sức sống ấy chỉ càng làm nổi bật sự trống trải trong lòng người.

Hai câu thực:

Lom khom dưới núi tiêu vài chú,

Lác đác bên sông chợ mấy nhà.

Ở đây, không gian có sự sống nhưng không đông đúc. Các từ “lom khom”, “lác đác” thể hiện sự ít ỏi, đơn độc. Cảnh vật hiện ra rõ nét, nhưng thấp thoáng đâu đó là một nỗi buồn, một cảm giác xa lạ. Người đi qua đèo đường như đang đi qua cả một vùng kí ức, một chặng đường đời lặng lẽ.

Hai câu luận:

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.

Âm thanh của loài chim không chỉ là tiếng kêu trong không gian mà còn là tiếng lòng của tác giả. Bà nhớ quê hương, nhớ đất nước, nhớ gia đình. Hai chữ “đau lòng”, “mỏi miệng” được dùng rất chân thật, thể hiện sự dồn nén cảm xúc của một người trí thức giữa thời thế đổi thay.

Cuối cùng là hai câu kết đầy ám ảnh:

Dừng chân đứng lại trời non nước,

Một mảnh tình riêng ta với ta.

Câu thơ cuối là một hình ảnh đầy chất triết lí. Không ai bên cạnh, không ai sẻ chia, chỉ còn lại người thơ đối diện với chính mình. Đó là sự cô đơn tận cùng, không phải vì thiếu người mà là vì không ai hiểu được nỗi lòng riêng.

Bài thơ “Qua Đèo Ngang” là sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố cổ điển và tâm trạng hiện đại. Qua bài thơ, Bà Huyện Thanh Quan không chỉ vẽ nên một bức tranh thiên nhiên sinh động mà còn gửi gắm một nỗi niềm đầy nhân văn, khiến người đọc mãi bồi hồi mỗi khi nhớ đến.